

Số: **4509** /CT-BNN-KH

Hà Nội, ngày **27** tháng **6** năm **2019**

CHỈ THỊ
**Về xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp,
nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020**

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nông nghiệp và PTNT yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan/đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao với các nội dung chủ yếu sau đây:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá đúng thực chất tình hình triển khai Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành/lĩnh vực, dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2019. Trong đó, làm rõ các kết quả đạt được so với mục tiêu kế hoạch đề ra; những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; các giải pháp để đạt mục tiêu tăng trưởng năm 2019 của ngành.

Các đơn vị cần tập trung phân tích, đánh giá rõ: (1) Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành/lĩnh vực và của đơn vị; (2) Kết quả 5 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 và 13 đề án/kế hoạch chuyên đề đã được Bộ phê duyệt; (3) Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới; (4) Hợp tác quốc tế, tháo gỡ rào cản, phát triển thị trường tạo thuận lợi cho tiêu thụ nông sản; (5) Công tác xây dựng văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách; (6) Công tác cải cách hành chính, thực hiện các đột phá lớn, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; (7) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm; (8) Tình hình thực hiện vốn đầu tư công và phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; (9) Tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành và đời sống người dân; (10) Công tác khoa học công nghệ và khuyến nông; (11) Công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đào tạo nghề cho lao động nông thôn; (12) Công tác thanh tra, thực hành tiết kiệm và phòng chống tham nhũng; (13) Công tác củng cố và hoàn thiện bộ máy tổ chức của Bộ, của ngành; (14) Công tác quản lý tài chính và tài sản công...

2. Căn cứ các chương trình, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020; Kế hoạch tài chính và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020; trên cơ sở kết quả đạt được năm 2019, dự báo bối cảnh trong nước và thế giới; các đơn vị, địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

3. Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm phải được triển khai xây dựng đồng bộ, hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị; đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

I. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, nâng cao giá trị gia tăng, trên cơ sở thực hiện cơ cấu lại ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới nhằm: (1) Nâng cao giá trị, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của ngành, (2) Phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm; (3) Cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, xóa đói giảm nghèo; (4) Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, sinh thái; góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng của cả nước 6,8%.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng GDP nông lâm thủy sản khoảng 2,9% - 3,0%.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành khoảng 3,0% - 3,1%.
- Giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản khoảng 44 tỷ USD.
- Tỷ lệ che phủ của rừng đạt 42,0%.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới 58%.

2. Định hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

2.1. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, có giá trị gia tăng cao và hiệu quả

Cơ cấu lại ngành/lĩnh vực giai đoạn 2017 - 2020 theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017; tiếp tục rà soát, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, chiến lược phát triển sản xuất phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường; triển khai mạnh các nhiệm

vụ, giải pháp đột phá cần tập trung thực hiện trong năm 2020 để đạt mục tiêu kế hoạch 5 năm 2016 - 2020. Cụ thể như sau:

a) Trồng trọt

Rà soát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại lĩnh vực trồng trọt. Tiếp tục hướng dẫn các địa phương thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường phổ biến, chuyển giao các giống cây trồng mới có chất lượng và giá trị cao vào sản xuất.

Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực quốc gia; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sâu bệnh. Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

b) Chăn nuôi

Điều chỉnh kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi phù hợp với thực tiễn; xác định các sản phẩm chăn nuôi chủ lực là lợi thế tại địa phương để tập trung đầu tư; hướng dẫn các địa phương điều chỉnh quy mô đàn gia súc, gia cầm phù hợp với nhu cầu thị trường và diễn biến bệnh DTLCP.

Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực; đồng thời phát triển chăn nuôi nông hộ theo phương thức chăn nuôi hữu cơ, đặc sản; đảm bảo cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng trong nước (nhất là khôi phục đàn lợn), đặc biệt là nguồn nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy chế biến lớn; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y.

c) Thủy sản

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu phát triển Kinh tế thủy sản bền vững và Đề án Cơ cấu lại lĩnh vực thủy sản; phát triển đồng bộ, toàn diện cả khai thác và nuôi trồng. Đồng thời, đáp ứng tiêu chuẩn, quy định của quốc tế về nuôi trồng và đánh bắt hải sản; nhất là việc hướng dẫn, quản lý việc đánh bắt hải sản theo đúng các quy định ở trong nước và phù hợp với quốc tế; thúc đẩy xuất khẩu thủy sản; tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo.

d) Lâm nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp và Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có; nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng có chứng chỉ FSC, trồng cây gỗ bản địa và lâm sản ngoài gỗ; đảm bảo nguồn cung gỗ nguyên liệu trong nước cho công nghiệp chế biến từ 80-85%. Phát

triển mô hình nông lâm kết hợp; Tiếp tục hoàn thiện và thực thi hiệu quả chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng.

đ) Công tác thủy lợi và phòng, chống thiên tai

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Thủy lợi và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn đã ban hành. Xây dựng và chuẩn bị các điều kiện triển khai lộ trình thực hiện giá dịch vụ thủy lợi; đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nội dung Đề án Tái cơ cấu ngành thủy lợi, trọng tâm là nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi hiện có; phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn; phát triển thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản.

Dự báo và xây dựng kế hoạch sử dụng nước để vận hành các công trình thủy lợi thuộc các lưu vực sông và giám sát nguồn, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và các ngành dân sinh kinh tế.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai, chủ động các biện pháp phòng ngừa; kiểm soát an toàn thiên tai; kịp thời ứng phó, khắc phục hiệu quả nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra. Triển khai hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ: số 76/NĐ-CP về công tác phòng chống thiên tai, số 120/NĐ-CP về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai quốc gia, chiến lược quốc gia PCTT; đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và triển khai Kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, áp dụng công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo và phòng chống thiên tai; tăng cường nâng cao năng lực của cộng đồng, truyền thông và hợp tác quốc tế trong phòng chống thiên tai.

e) Phát triển công nghiệp chế biến, sản xuất muối

Phát triển công nghiệp chế biến để khắc phục nhanh những tồn tại của lĩnh vực chế biến nông sản, vừa nâng cao hiệu quả sản xuất, vừa tiêu thụ kịp thời nông sản cho nông dân và đa dạng hóa sản phẩm cho tiêu dùng. Đẩy mạnh thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị, phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu, kết hợp với các biện pháp về tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng.

Đồng thời, nâng cao hiệu quả sử dụng phế phụ phẩm và phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp, tăng cường ứng dụng cơ giới hóa trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi.

Mở rộng diện tích muối công nghiệp, hiện đại; tăng cường áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong chế biến, nâng cao năng suất và chất lượng muối.

g) Phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ nông sản

Thực hiện hiệu quả các giải pháp để nâng cao sức cạnh tranh, khả năng tiếp cận thị trường cho sản phẩm từ khu vực nông thôn, thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế, phát triển bút phá thị trường trong nước gắn với đảm bảo cân đối cung cầu, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu, chủ lực của ngành. Đổi mới công tác xúc tiến thương mại, xây dựng các nhiệm vụ và giải pháp phát triển thị trường phù hợp kim ngạch xuất khẩu, cụ thể:

Xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình, đề án nhằm đa dạng hóa, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản. Xây dựng kế hoạch xúc tiến thương mại (trong nước và quốc tế), tháo gỡ rào cản cho từng thị trường và sản phẩm (nhất là đối với các sản phẩm đang có biểu hiện cung vượt cầu hoặc khó khăn về thị trường); phát triển, khai thác cả thị trường truyền thống và thị trường tiềm năng cho các sản phẩm có sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao, các nhóm sản phẩm có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu lớn; phát triển lành mạnh thị trường biên mậu, chuyển dần xuất khẩu tiểu ngạch các mặt hàng nông lâm thủy sản sang chính ngạch.

Xây dựng các giải pháp cụ thể để tăng sức cạnh tranh cho nông sản và hội nhập kinh tế quốc tế. Tăng cường kiểm soát chất lượng và giá cả các mặt hàng, nhất là các sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khỏe nhân dân.

2.2. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, ổn định và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn

Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để đạt mục tiêu 58% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, có thêm 10 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn so với năm 2019; có 4 - 5 tỉnh được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành xây dựng NTM; có khoảng 2.400 sản phẩm đạt quy chuẩn theo bộ tiêu chí sản phẩm OCOP.

Xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho cư dân nông thôn; hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu, đặc biệt ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa; đẩy mạnh thực hiện Chương trình OCOP; Đề án Xây dựng NTM cấp bản, xây dựng NTM kiểu mẫu; Đề án phát triển du lịch gắn với xây dựng NTM. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, làm chuyển biến rõ nét môi trường nông thôn theo hướng xanh - sạch - đẹp.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình 30a; công tác di dân và ổn định dân cư tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng,...

2.3. Phát triển hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên

Đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 đã được giao; tăng cường xây dựng và đề xuất các giải pháp, các dự án huy động xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp - nông thôn.

Tăng cường khả năng điều tiết các nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường khả năng tích nước cho mùa khô. Chủ động các phương án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, Nghị quyết của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tăng cường công tác quản lý tài nguyên rừng, tập trung bảo vệ môi trường và giảm thiểu phát thải. Khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển; bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có.

Tăng cường quản lý nhà nước về an toàn hồ đập: thực hiện rà soát các hồ đập có nguy cơ mất an toàn, kiểm định đập, chỉ đạo vận hành an toàn hồ chứa và vùng hạ du. Thực hiện bảo trì, duy tu thường xuyên; đầu tư sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa có nguy cơ mất an toàn và đào tạo nâng cao năng lực quản lý hồ chứa.

Tổ chức theo dõi, dự báo nguồn nước, chất lượng nước, xâm nhập mặn và xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông.

2.4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách đã ban hành. Đồng thời, phát hiện và đề xuất các cơ chế, chính sách mới để tháo gỡ khó khăn, tạo động lực mới cho tăng trưởng ngành; trong đó, tập trung nghiên cứu đề xuất:

- Giải pháp sửa đổi chính sách đất đai, khuyến khích tập trung ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại, đẩy mạnh cơ giới hóa.

- Chính sách đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, thu hút, khuyến khích đầu tư xã hội vào nông nghiệp, liên kết theo chuỗi giá trị, nhất là chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp.

2.5. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ và khuyến nông

Xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công

nghe vào sản xuất, xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, tập trung vào các sản phẩm chủ lực xuất khẩu; hoàn thiện công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp; tăng cường các hoạt động khuyến nông, hỗ trợ doanh nghiệp, nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực tiếp cận xu hướng công nghệ tiên tiến, hiện đại của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để thúc đẩy nghiên cứu các lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam có tiềm năng và lợi thế. Xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng và an toàn thực phẩm; hài hòa hóa tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu.

2.6. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng, miền, sản phẩm, ngành hàng

Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Kế hoạch cụ thể thực hiện Đề án Phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất mới, hiệu quả đã được kiểm chứng; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu; phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình và kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo hướng giải quyết dứt điểm những vướng mắc trong quản lý và sử dụng đất đai, nâng cao hiệu quả hoạt động.

2.7. Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế

Xây dựng kế hoạch đề chủ động và tích cực hội nhập quốc tế nhằm thu hút nguồn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác khoa học, đào tạo. Vận động và kêu gọi nhà tài trợ tham gia hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế theo Quyết định số 1684/QĐ-TTg ngày 30/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030.

Chú trọng công tác phổ biến, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do, FTA đã ký kết. Tăng cường nắm bắt tình hình, dự báo diễn biến thị trường nông sản thế giới và sự điều chỉnh chính sách của các nước nhập khẩu nhiều nông sản để có đối sách phù hợp. Giữ ổn định và tăng cường thúc đẩy quan hệ với các quốc gia và các đối tác chủ chốt.

2.8. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

Tiếp tục hoàn thiện chính sách pháp luật quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp (VTNN), đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) hài hòa với các chuẩn mực quốc tế và tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, liên kết phát triển các chuỗi giá trị nông sản chất lượng cao, đảm bảo ATTP.

Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo ATTP cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; Kế hoạch thông tin, truyền thông về chính sách pháp luật quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Chuyển mạnh sang thanh tra đột xuất; xử lý kịp thời cơ sở vi phạm; các cơ quan, công chức thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý VTNN, ATTP. Tiếp tục khống chế việc sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, giảm thiểu lạm dụng hóa chất kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, giảm thiểu ô nhiễm vi sinh vật trong các sản phẩm chăn nuôi,...

2.9. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng kế hoạch và nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đào tạo theo Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2014-2020”. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông nghiệp theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và số 917/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2.10. Kế hoạch cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử để kết nối, chia sẻ thông tin với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia theo các Nghị quyết của Chính phủ. Cải cách công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành, tập trung một đầu mối duy nhất thực hiện thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với một sản phẩm, hàng hóa.

Triển khai sắp xếp, tinh giảm bộ máy, biên chế; đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý ngành; phân

cấp quản lý giữa trung ương và địa phương về các lĩnh vực: đầu tư, quản lý chất lượng nông sản, vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm... Thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm.

2.11. Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích đầu tư tư nhân

Xây dựng kế hoạch phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp; Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư... Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng kế hoạch cụ thể đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư để kêu gọi doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi, phát triển công nghiệp chế biến. Chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công cho tư nhân và các tổ chức xã hội.

II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019

- Tình hình thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2019.

- Các kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc và những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2019; làm rõ nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc.

- Các giải pháp, kiến nghị để triển khai có hiệu quả dự toán NSNN trong những tháng cuối năm 2019.

2. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

Mục tiêu của công tác xây dựng dự toán NSNN năm 2020 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 là: Tiếp tục thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, duy trì tăng trưởng nhanh, bền vững; thực hiện cơ cấu lại ngân sách theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội gắn với việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công; siết chặt kỷ cương, kỷ luật ngân sách, mở rộng cơ sở thuế, tăng cường quản lý thu; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực công.

2.1 Chi đầu tư phát triển

Kế hoạch đầu tư công năm 2020 (bao gồm nguồn vốn NSNN, ODA, vốn viện trợ, vốn trái phiếu Chính phủ) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020.

Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công phải thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, Luật đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn; bám sát các mục tiêu Đề án cơ cấu lại đầu tư công. Năm 2020 là năm cuối của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, do đó bố trí đủ kế hoạch vốn năm 2020 để thu hồi vốn ứng trước; bố trí vốn cho các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2020; bố trí đủ vốn cho chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt; các dự án phát triển hạ tầng thúc đẩy tăng trưởng, các chương trình đa mục tiêu, an toàn VSTP, phòng chống thiên tai. Việc quản lý, sử dụng 10% dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 theo đúng Nghị quyết của Quốc hội.

2.2. Chi thường xuyên

Dự toán chi thường xuyên năm 2020 đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN; lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm; theo văn bản số 4146/BNN-TC ngày 14/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn đánh giá thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2019, xây dựng dự toán NSNN năm 2020 và giai đoạn 2020-2022 (nội dung chi thường xuyên).

2.3. Chi dự trữ quốc gia

Căn cứ Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020, mục tiêu của dự trữ quốc gia, khả năng cân đối NSNN và dự báo tình hình kinh tế - xã hội, dự báo yêu cầu cứu trợ, viện trợ; các đơn vị quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch và dự toán chi mua hàng dự trữ quốc gia cho năm 2020, tập trung các mặt hàng chiến lược, thiết yếu; ưu tiên các mặt hàng dự trữ quốc gia phục vụ phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh.

2.4. Đối với các CTMT quốc gia, chương trình mục tiêu

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí giai đoạn 2016 - 2020 đã được duyệt, mức đã bố trí giai đoạn 2016 - 2019 và khả năng thực hiện, các đơn vị được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, hướng dẫn các địa phương, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020.

2.5. Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, tiến độ khả năng thực hiện dự án năm 2020 và hạn mức Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, các đơn vị lập dự toán các chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng. Ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch, không đề xuất ký kết các hiệp định vay mới cho chi thường xuyên. Đối với các chương

trình, dự án hỗn hợp cả cấp phát và cho vay lại phải làm rõ kế hoạch vốn cho từng phần. Đối với các chương trình, dự án ô, cần phân định rõ trách nhiệm và hạn mức giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài giữa Bộ và địa phương theo đúng nhiệm vụ chi ngân sách từng cấp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Kế hoạch

- Chủ trì tổng hợp kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2020.

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020, gồm nguồn ngân sách tập trung, vốn ODA và trái phiếu chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các địa phương về kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020.

2. Vụ Tài chính

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022.

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo Bộ kế hoạch chi ngân sách đối với chương trình, dự án sử dụng nguồn sự nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ làm việc với Bộ Tài chính, bảo vệ dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

3. Các Tổng cục/Cục/Vụ thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và PTNT

Xây dựng Kế hoạch phát triển ngành, các tiểu ngành, lĩnh vực và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 (Theo khuôn mẫu báo cáo kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2492/QĐ-BNN-KH ngày 26/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT), gửi về Vụ Kế hoạch.

4. Các Viện, Trường, Trung tâm, Doanh nghiệp thuộc Bộ, Ban quản lý dự án và các đơn vị khác

Tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển năm 2019 của đơn vị; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư, dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2019 và đề xuất nhu cầu đầu tư, lập dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2020 gửi về Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính để tổng hợp.

Việc xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 có ý nghĩa hết sức quan trọng; Bộ yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ quan trực thuộc tập trung xây dựng, gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính) theo đường văn bản và theo thư điện tử (vukehoach@mard.gov.vn và vutaichinhbnn@mard.gov.vn) **trước ngày 20/7/2019** để tổng hợp, báo cáo Chính phủ. Các hướng dẫn xây dựng kế

hoạch và biểu mẫu kèm theo đăng tại Website của Vụ Kế hoạch:
<http://vukehoach.mard.gov.vn>.

Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đề nghị các đơn vị thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc bảo đảm chất lượng và thực hiện đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở NN và PTNT;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, KH.



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Cường
Nguyễn Xuân Cường